

Thứ sáu, ngày 3 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index đang kiểm định mốc 1,020 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/3/2023		•	
Tuần 6/3-10/3/2023		•	
Tháng 03/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục kiểm định ngưỡng 1,040 ngay từ lúc mở cửa, tuy nhiên chỉ số đã bật xuống ngay sau đó và giằng co quanh ngưỡng 1,030 trước khi lùi tiếp xuống kết phiên tại 1,024.77, giảm gần 13 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm, trong đó những ngành giảm mạnh nhất là Bán lẻ, Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục xu hướng bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, khả năng VN-Index sẽ tiếp tục giằng co trong vùng 1,020-1,040.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-12.84** điểm, đóng cửa **1024.77** điểm. HNX-Index **-1.25** điểm, đóng cửa **204.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **STG (+0.05)**, **PLX (+0.05)**, **VSC (+0.03)**, **HRC (+0.02)**, **CAV (+0.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.73)**, **MSN (-1.07)**, **BID (-0.63)**, **VPB (-0.51)**, **ACB (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,987** tỷ đồng, tăng **16.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **7,211** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **19.04** điểm. Thị trường có **82** mã tăng, **53** mã tham chiếu, **317** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-126.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-50.61 tỷ)**, **SSI (-25.81 tỷ)**, **VCB (-23.71 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1024.77**
Giá trị: 5987.2 tỷ **-12.84 (-1.23%)**
Khối ngoại (ròng): -126.53 tỷ

HNX-INDEX **204.89**
Giá trị: 904.43 tỷ **-1.25 (-0.61%)**
Khối ngoại (ròng): 7 tỷ

UPCOM-INDEX **75.80**
Giá trị: 336.17 tỷ **-0.48 (-0.63%)**
Khối ngoại (ròng): -0.44 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.1	0.58%
Giá vàng	1,833	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,720	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,217	-0.37%
Tỷ giá JPY/VND	174	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	7.0%	0.12%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.24%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HSG	34.67	HPG	-50.61
NKG	19.27	SSI	-25.81
VNM	13.16	VCB	-23.71
STB	11.43	KBC	-20.86
BID	10.50	VND	-18.96

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 3/3

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.55	0.64%	4.86%	1.77%	-27.57%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.35	1.07%	4.84%	2.82%	-22.11%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.67	0.95%	4.59%	1.62%	-18.56%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1837.36	0.56%	0.68%	-3.92%	-4.61%		PNJ
Bạc	Ounce	20.99	0.38%	-2.37%	-10.53%	-16.86%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1507.00	1.11%	-2.11%	-1.78%	-9.38%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	692.75	0.18%	-5.94%	-8.97%	-34.55%	AFX	
Sữa	Cwt	17.78	-0.39%	-0.56%	-0.84%	-20.05%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	141.00	3.52%	1.00%	-0.49%	-21.19%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	20.57	-6.84%	-3.38%	-5.03%	10.35%	VNM, GTN	SBT, LSS
Chè	Kg	2.75	0.00%	-0.72%	-2.14%	-3.51%		
Cà phê	LB	185.30	-2.68%	-7.12%	4.16%	-19.59%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	4.17	1.72%	-0.53%	1.81%	-10.47%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4200.00	0.77%	-0.73%	4.09%	-13.86%		HPG
Nhôm	Ton	2448.00	3.16%	1.24%	-6.46%	-31.41%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	126.00	0.00%	-5.26%	-3.08%	-10.95%	HPG	
Than đá	Ton	192.00	-0.44%	-8.42%	-21.63%	-52.00%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 2/3, dầu thô Brent tăng 44 US cent hay 0.5% lên 84.75 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 47 US cent hay 0.6% lên 78.16 USD/thùng.
- Giá dầu tăng bởi những dấu hiệu sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ tại Trung Quốc và lo lắng về việc tăng lãi suất mạnh của Mỹ giảm đi.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,835.03 USD/ounce sau khi tăng trong 3 phiên trước. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa giảm 0.3% xuống 1,840.5 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do số liệu việc làm hàng tuần của Mỹ cho thấy thị trường lao động tốt lên có thể khiến Cục Dự trữ Liên bang theo chu kỳ tăng lãi suất, củng cố USD và lợi suất trái phiếu Kho bạc.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 1.56% lên 912.5 CNY (132.19 USD)/tấn, cao nhất kể từ 23/2. Hợp đồng này đã tăng gần 2.5% trong phiên liền trước. Tại Singapore, quặng sắt giao tháng 4 giảm 0.03% xuống 126.05 USD/tấn.
- Giá quặng sắt Đại Liên tiếp tục tăng phiên thứ hai liên tiếp, do tâm lý thị trường cải thiện sau khi bỏ những hạn chế sản xuất tại các thành phố sản xuất thép chủ chốt và do số liệu sản xuất của Trung Quốc tốt hơn dự kiến.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa giảm 1.35 US cent hay 0.7% xuống 1.822 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 tăng 3 USD hay 0.1% lên 2,180 USD/tấn, với nguồn cung khan hiếm bởi xuất khẩu từ Việt Nam giảm trong hai tháng đầu năm 2023.

Thị trường chứng khoán thế giới

	3/3	% 3/3	2/3	% 2/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1024.77	-1.24%	1037.61	-11.64%	-1.42%	-4.76%
S&P 500			3981.35	0.76%	-0.77%	-0.91%
HDTL S&P500	3982.75	-0.05%	3984.75	8.04%	0.18%	-2.62%
Shang-hai	3328.39	0.54%	3310.65	6.26%	1.87%	1.32%
Euro Stoxx	4264.64		4240.59	26.88%	2.05%	2.23%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo		Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/2/2023	DDV	8/1/1900	10/1/1900	8/1/1900	8/1/1900	1/1/1900		-2.33%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
12/15/2022	TLG	20/2/1900	29/2/1900	14/2/1900	20/2/1900	18/3/1900		-0.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

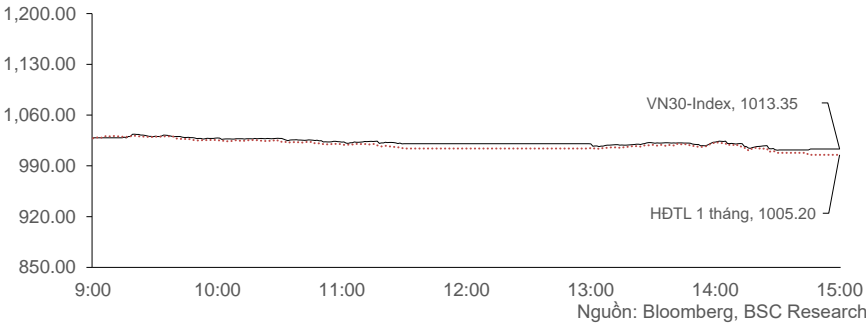
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo		Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%	
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%	
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%	
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%	
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%	
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%	
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%	
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%	
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%	
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%	
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%	
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%	
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất						TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-1.26%	-1.26%	40
Cổ phiếu đã chốt	250	231	7.06%	-7.47%	3.99%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1003.00	-1.91%	-10.35	0.0%	72	9/21/2023	202
VN30F2304	1004.80	-1.68%	-8.55	22.2%	1,169	4/20/2023	48
VN30F2303	1005.20	-1.84%	-8.15	7.5%	362,071	3/16/2023	13
VN30F2306	1005.00	-1.33%	-8.35	18.6%	102	6/15/2023	104

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -15.38 điểm xuống 1013.35 điểm, biên độ dao động 22.1 điểm. Các cổ phiếu như MSN, ACB, VPB, FPT, và VCB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong suốt phần lớn thời gian giao dịch trong ngày. Thanh khoản nằm dưới đường MA20 và tiếp tục ở mức thấp. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HDTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2304 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2221	3/31/2023	28	4:1	2,006,800	51.12%	1,000	40	33.33%	27	1.46	25,320	25,000	20,350
CVHM2216	8/31/2023	181	8:1	376,900	35.76%	1,900	150	0.00%	40	3.72	63,760	62,000	40,950
CMBB2215	11/1/2023	243	2:1	55,200	40.96%	2,500	1,480	-1.33%	1,077	1.37	22,080	18,000	17,150
CHPG2227	11/1/2023	243	2:1	1,407,200	51.12%	2,400	2,100	-1.87%	1,786	1.18	25,020	-	20,350
CPOW2210	6/6/2023	95	1:1	98,400	43.65%	1,870	880	-2.22%	876	1.01	13,980	13,000	12,350
CVRE2219	6/6/2023	95	3:1	326,300	45.34%	1,050	380	-2.56%	461	0.82	31,040	29,000	26,000
CHPG2225	6/6/2023	95	3:1	517,100	51.12%	1,550	1,370	-2.84%	1,395	0.98	21,440	17,000	20,350
CVNM2207	3/28/2023	25	15.2:1	677,200	26.27%	1,100	620	-3.13%	579	1.07	77,952	67,462	76,000
CSTB2224	9/5/2023	186	2:1	69,100	51.11%	2,700	3,630	-3.46%	3,323	1.09	27,200	20,000	25,000
CHPG2302	9/27/2023	208	2:1	21,300	51.12%	2,120	2,430	-3.95%	1,754	1.39	25,260	20,000	20,350
CSTB2225	11/1/2023	243	2:1	190,500	51.11%	2,900	3,720	-4.37%	3,407	1.09	28,280	20,500	25,000
CVPB2214	9/5/2023	186	4:1	291,400	38.82%	1,100	750	-5.06%	512	1.46	20,880	17,000	17,000
CSTB2215	3/28/2023	25	5:1	210,900	51.11%	1,100	730	-5.19%	625	1.17	26,372	22,222	25,000
CMWG2214	9/5/2023	186	10:1	117,800	46.51%	1,100	490	-5.77%	306	1.60	54,400	46,500	39,400
CHPG2226	9/5/2023	186	2:1	25,500	51.12%	2,300	2,020	-6.05%	1,769	1.14	23,980	19,500	20,350
CVRE2216	8/31/2023	181	4:1	494,600	45.34%	1,650	400	-6.98%	456	0.88	33,880	31,000	26,000
CFPT2210	8/31/2023	181	10:1	165,800	26.48%	2,350	510	-8.93%	258	1.98	96,700	90,000	78,500
CFPT2212	6/6/2023	95	10:1	61,500	26.48%	1,870	1,170	-10.00%	1,025	1.14	84,400	70,000	78,500
CACB2207	3/31/2023	28	4:1	546,100	35.89%	1,100	190	-24.00%	150	1.26	26,660	25,500	24,500
CVRE2215	3/31/2023	28	2:1	1,703,900	45.34%	2,600	60	-33.33%	117	0.51	31,180	30,000	26,000
Tổng				9,363,500	43.29%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
***Giá lý thuyết** được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 3/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2227 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 41.15%. Giá trị giao dịch tăng 50.28%. CHPG2227 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 41.15%.
- CSTB2218, CVRE2215, CVRE2219, và CVRE2216 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CHPG2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CVNM2211, và CSTB2222 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
PLX	38.80	0.39	0.02
CTG	27.80	0.00	0.00
NVL	10.35	0.00	0.00
PDR	10.50	0.00	0.00
BCM	83.50	-0.60	-0.02

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MSN	76.0	-3.80	-2.01
ACB	24.5	-2.20	-1.65
VPB	17.0	-1.73	-1.47
FPT	78.5	-1.88	-1.46
VCB	90.9	-2.47	-1.25

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STG	42.00	5.00	0.05	32000
PLX	38.80	0.39	0.05	372100
VSC	30.15	3.79	0.03	302200
HRC	59.00	5.55	0.02	100
CAV	55.00	2.80	0.02	5100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	90.90	-2.47	-3	798600.00
MSN	76.00	-3.80	-1	581000
BID	45.90	-1.08	-1	735400
VPB	17.00	-1.73	-1	8.98MLN
ACB	24.50	-2.20	0	2.40MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDG	3.99	6.97	0.00	255600.00
PJT	8.76	6.96	0.00	1200
HOT	22.85	6.78	0.00	100
IBC	2.88	6.67	0.00	741400
MCP	21.80	6.34	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.90	-2.47	-2.73	798600
MSN	76.00	-3.80	-1.07	581000
BID	45.90	-1.08	-0.63	735400.00
VPB	17.00	-1.73	-0.51	8.98MLN
ACB	24.50	-2.20	-0.47	2.40MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	15.00	2.74	0.48	12900.00
HTP	39.60	2.86	0.09	41800
VIF	14.90	9.56	0.08	100
PLC	33.00	4.10	0.04	1.57MLN
SCG	66.70	0.60	0.04	159400

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	16.30	-2.40	-0.33	61600
SHS	8.10	-2.41	-0.25	6.02MLN
CEO	19.30	-3.98	-0.25	5.48MLN
DNP	23.20	-5.31	-0.19	2800
THD	38.80	-0.77	-0.17	7700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

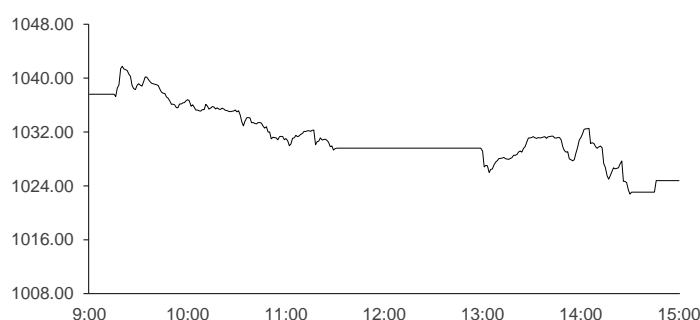
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNM	20.90	10.0	0.01	200
HKT	7.70	10.0	0.00	300
GLT	22.20	9.9	0.01	100
HTC	17.80	9.9	0.02	400
VC1	9.00	9.8	0.01	1100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HMR	8.00	-11.11	0.00	11900
SDU	28.00	-9.97	-0.02	300
KKC	6.40	-9.86	0.00	1000
GDW	23.80	-9.85	-0.01	100
PSD	13.80	-9.80	-0.02	194200

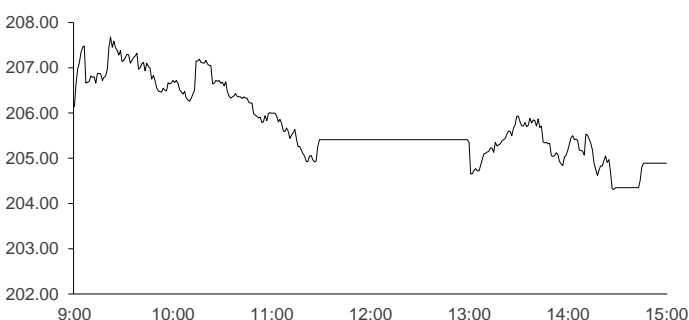
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



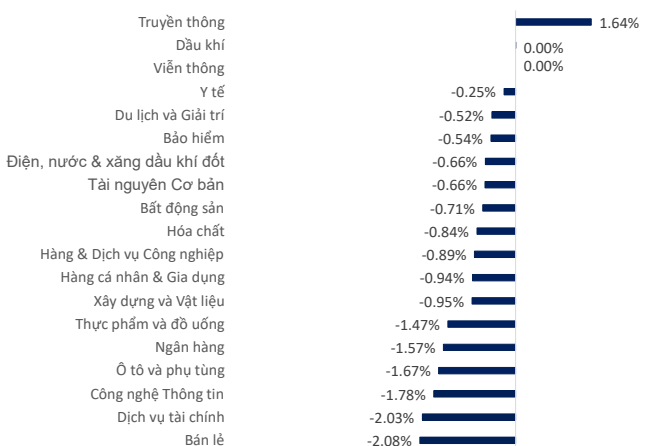
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



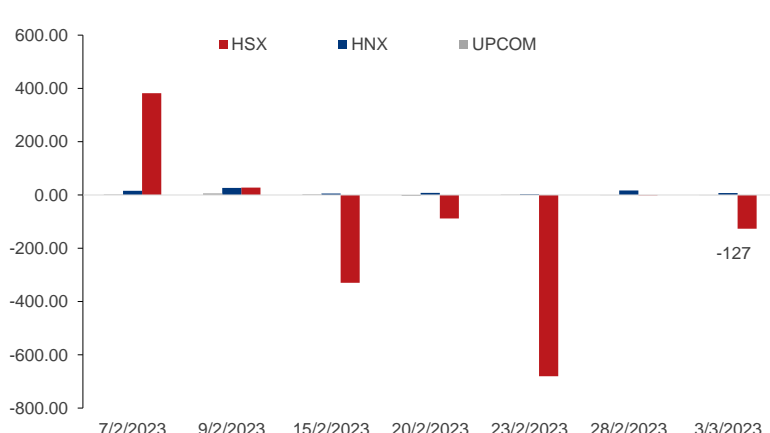
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

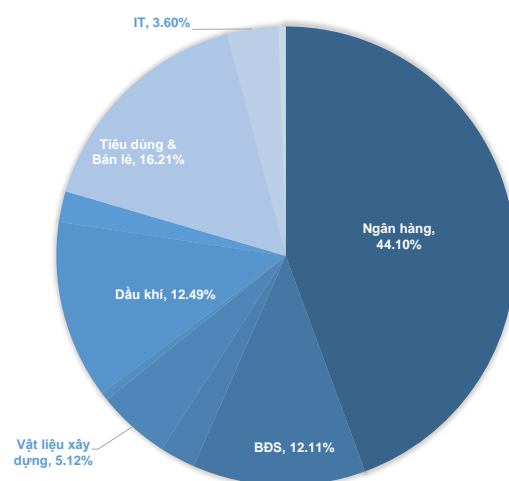


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
VCB	Ngân hàng	90.9	-2.5%	0.8	18,704	3.2	6,316	14.4	3.1	23.6%	24.2%
CTG	Ngân hàng	27.8	0.0%	1.2	5,809	2.1	3,518	7.9	1.2	28.0%	16.9%
VPB	Ngân hàng	17.0	-1.7%	1.2	4,962	6.7	2,722	6.2	1.2	17.6%	20.7%
TCB	Ngân hàng	26.8	-1.5%	1.4	4,098	2.2	5,737	4.7	0.8	22.5%	19.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	-2.2%	1.1	3,598	2.6	4,053	6.0	1.4	30.0%	26.5%
MBB	Ngân hàng	17.2	-1.4%	1.1	3,381	3.6	3,856	4.4	1.0	23.2%	25.8%
STB	Ngân hàng	25.0	-2.3%	1.4	2,049	13.0	2,674	9.3	1.2	29.0%	13.8%
SSI	Chứng khoán	18.5	-1.1%	1.7	1,203	6.0	1,456	12.7	1.2		9.3%
GVR	BDS KCN	14.1	-1.1%	1.8	2,452	0.7	955	14.8	1.2	0.5%	7.9%
HPG	Vật liệu xây dựng	20.4	-1.2%	1.0	5,145	12.3	1,459	13.9	1.2	23.5%	9.1%
HSG	Vật liệu xây dựng	15.3	-1.3%	2.1	398	17.2	(1,776)		0.9	9.6%	-10.0%
VHM	BDS	41.0	-0.4%	0.9	7,753	2.5	6,575	6.2	1.2	24.0%	21.3%
VRE	BDS	26.0	-0.8%	0.4	2,569	2.4	1,204	21.6	1.8	32.5%	8.6%
NLG	BDS	25.0	-1.0%	1.5	417	1.1	1,274	19.6	1.1	45.6%	5.8%
DPM	Phân bón	34.7	-0.4%	1.5	590	1.7	14,039	2.5	1.0	18.5%	45.8%
GAS	Dầu khí	104.5	-0.5%	0.7	8,696	0.8	7,647	13.7	3.3	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	38.8	0.4%	0.8	2,143	0.6	1,156	33.6	2.0	18.0%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.2	0.6%	1.6	2,184	5.3	2,108	7.7	1.3	41.1%	19.1%
PVS	Dầu khí	26.4	-1.1%	1.3	549	10.2	1,501	17.6	1.0	20.1%	6.0%
PVT	Dầu khí	20.5	-2.6%	1.3	288	2.9	2,587	7.9	1.1	18.5%	14.9%
POW	Tiện ích	12.4	-2.8%	1.2	1,257	3.9	809	15.3	1.0	6.1%	6.4%
REE	Tiện ích	67.1	-2.3%	0.8	1,037	0.5	7,563	8.9	1.5	49.0%	18.7%
VNM	Tiêu dùng	76.0	-0.7%	0.5	6,906	2.3	3,632	20.9	5.3	55.8%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	76.0	-3.8%	1.2	4,704	2.0	2,515	30.2	4.1	30.6%	12.1%
MWG	Bán lẻ	39.4	-2.2%	1.3	2,507	3.2	2,830	13.9	2.4	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	79.4	-1.1%	0.8	1,132	0.8	6,073	13.1	3.0	49.0%	24.7%
FRT	Bán lẻ	69.5	-2.0%	1.3	358	1.5	3,295	21.1	4.1	28.6%	21.3%
VHC	Thủy sản	56.9	0.5%	1.2	454	0.7	10,842	5.2	1.4	30.3%	29.7%
GMD	Logistics	49.1	-2.4%	0.7	643	0.9	3,037	16.2	2.1	48.9%	13.8%
FPT	Công nghệ	78.5	-1.9%	0.8	3,744	2.5	4,838	16.2	4.1	49.0%	24.8%

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	24.50	19.10	28.27%	24.40	-0.41%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	83.90	74.70	12.32%	90.00	7.27%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	83.50	75.00	11.33%	94.20	12.81%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	16.20	13.60	19.12%	18.70	15.43%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	55.90	37.70	48.28%	51.20	-8.41%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	13.35	10.60	25.94%	14.10	5.62%	
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	22.20	16.70	32.93%	26.72	20.36%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	78.50	65.90	19.12%	84.60	7.77%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	69.50	59.80	16.22%	75.30	8.35%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	14.10	12.20	15.57%	15.70	11.35%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	38.50	29.00	32.76%	43.40	12.73%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	21.50	16.70	28.74%	18.10	-15.81%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	22.00	18.90	16.40%	23.60	7.27%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	39.40	37.90	3.96%	50.30	27.66%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	79.40	70.10	13.27%	65.99	-16.89%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	12.35	10.45	18.18%	13.00	5.26%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	21.65	13.60	59.19%	19.70	-9.01%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	26.40	19.10	38.22%	28.00	6.06%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	20.50	17.50	17.14%	24.30	18.54%	Click
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	15.00	11.61	29.20%	14.97	-0.20%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	67.10	69.18	-3.01%	83.50	24.44%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	90.90	75.00	21.20%	90.30	-0.66%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	37.80	34.90	8.31%	48.00	26.98%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	56.90	74.90	-24.03%	87.20	53.25%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	76.00	75.65	0.46%	82.91	9.09%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	26.00	25.00	4.00%	31.80	22.31%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
11	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
21	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
24	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
26	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
30	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
33	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
36	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
39	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
40	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

